

KẾ HOẠCH
Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
 - Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
 - Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
 - Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chính phủ điện tử;
 - Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;
 - Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử;
 - Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;
 - Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 17/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
 - Kế hoạch hành động số 177/KH-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
 - Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh triển khai ứng dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2016;
 - Kế hoạch 378/KH-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016 - 2020,
- Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 như sau:

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

1. Hạ tầng kỹ thuật

- 16/16 cán bộ, công chức, viên chức và NLD (gọi tắt là CBCC) được trang bị máy tính và trang bị thêm 08 máy tính xách tay cho cán bộ Lãnh đạo, 01 máy tính xách tay cho cán bộ phụ trách CNTT của cơ quan.

- Số lượng máy chủ: 01 máy.

- Cơ quan đã được kết nối mạng TSLCD, kết nối đường truyền Internet tốc độ cao (cáp quang) và 100% máy tính đều được kết nối mạng Internet và mạng sử dụng hệ thống quản lý văn bản TDOffice.

- Sử dụng phần mềm diệt vi rút bản quyền cho máy chủ và một số máy cần đảm bảo về độ mật an ninh thông tin cao (08/24 máy, chiếm tỷ lệ 33,3%)

- Khuyến khích cán bộ, công chức sử dụng các phần mềm bảo mật máy tính cá nhân và đảm bảo bảo đảm an toàn thông tin.

- Ban Dân tộc đã cử 01 cán bộ tham gia tổ ứng cứu sự cố máy tính khẩn cấp của tỉnh theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

- 100% cán bộ, công chức sử dụng các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh được triển khai, ứng dụng trong các cơ quan nhà nước như: Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử của cơ quan; Thư điện tử công vụ; Quản lý văn bản và điều hành; Quản lý hồ sơ và đánh giá, phân loại CCVC.

- Ứng dụng hiệu quả các phần mềm chuyên ngành như phần mềm kế toán, quản lý tài sản, phần mềm sử dụng phương ngữ Bru-Vân kiều – Việt, phần mềm quản lý tài sản và các ứng dụng kèm theo phần mềm TDOffice.

- Cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng máy vi tính, thư điện tử, truy nhập Internet để phục vụ công việc chuyên môn nghiệp vụ.

- Hiện nay, cơ quan Ban Dân tộc chưa có thủ tục hành chính do đó chưa thực hiện ứng dụng dịch vụ công trực tuyến (Ban sẽ thực hiện ứng dụng dịch vụ công trực tuyến khi có thủ tục hành chính). Mở các chuyên mục có liên quan để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời trên trang thông tin điện tử cơ quan, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Trang thông tin.

- Trang thông tin điện tử cơ quan xây dựng chuyên mục “Dân hỏi, cơ quan chức năng trả lời” để thực hiện giải đáp những thắc mắc cho nhân dân, tổ chức có liên quan đến lĩnh vực, chức năng nhiệm vụ được giao.

- Cử thành viên tham gia Tổ ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo đúng quy định.

3. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

- Ban Dân tộc bố trí cán bộ kiêm nhiệm thực hiện công tác công nghệ thông tin của cơ quan. Cử cán bộ tham dự đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn về công nghệ thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Hàng năm, Ban Dân tộc thực hiện đăng ký và cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn công nghệ thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức; các lớp đào tạo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Sở Nội vụ tổ chức.

- Khuyến khích và hỗ trợ cho CBCC tham gia các khóa học tập nâng cao trình độ khai thác, sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ để từng bước nâng cao hiệu quả công tác trong lĩnh vực nhiệm vụ đã được phân công.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NĂM 2018

1. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả hơn, gắn kết, thúc đẩy CCHC, đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, công sở điện tử (theo kế hoạch đề ra của tỉnh).

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Tin học hóa các dịch vụ hành chính công (khi có các thủ tục hành chính phát sinh). Giảm dần số lần người dân phải đến cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

2. Mục tiêu cụ thể

- Từ 85% đến 95% cán bộ, công chức cơ quan sử dụng, khai thác có hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh, như: Cổng thông tin điện tử; Thư điện tử công vụ; Quản lý văn bản và điều hành; theo dõi sự chỉ đạo điều hành; Quản lý hồ sơ và đánh giá, phân loại CCVC; Báo cáo trực tuyến; Quản lý tài sản, kế toán và các phần mềm ứng dụng khác.

- 65% - 75% văn bản của cơ quan được trao đổi trên môi trường mạng. 90% cán bộ, công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng. 60% máy tính được cài đặt phần mềm bảo vệ và diệt vi rút.

- Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan.

- Hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung được hoàn thiện, kết nối, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử.

Đảm bảo duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của trang thông tin điện tử cơ quan; liên tục cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, các lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan, ngành và địa phương trên trang thông tin điện tử cơ quan; kết nối có hiệu quả trang thông tin điện tử cơ quan với Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, của tỉnh và trang thông tin điện tử của các sở, ngành có liên quan.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Thường xuyên nâng cấp hạ tầng CNTT của cơ quan hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong cơ quan để phục vụ cho việc xây dựng chính quyền điện tử.

- Đảm bảo kết nối với các cơ quan nhà nước trên cơ sở mạng TSLCD với tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã liên kết, chia sẻ thông tin với tốc độ cao.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của cơ quan.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan

- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong bộ cơ quan; gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, ứng dụng CNTT kết hợp với hệ thống chất lượng ISO theo tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam (TCVN ISO 9001:2008).

- Tiếp tục nâng cấp, triển khai có hiệu quả ứng dụng các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh: Trang thông tin điện tử; Thư điện tử công vụ; Quản lý văn bản và điều hành; Quản lý hồ sơ và đánh giá, phân loại CCVC; Báo cáo trực tuyến.

- Tăng cường trao đổi các văn bản điện tử, kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản và điều hành với Trung ương, với cơ sở.

- Sử dụng có hiệu quả các phần mềm, như: phần mềm kế toán, quản lý tài sản tại cơ quan, phần mềm sử dụng phương ngữ Bru-Vân kiều – Việt.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số phục vụ công tác trao đổi văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tiến hành triển khai phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông tại cơ quan khi có thủ tục hành chính mới phát sinh.

- Triển khai dịch vụ hành chính công tại cơ quan và tích hợp với các phần mềm chuyên ngành.

- Tăng cường hoạt động tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng; đối thoại trực tuyến về hoạt động của các cơ quan nhà nước; Xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT của cơ quan.

- Tổ chức đào tạo kiến thức CNTT theo Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 05/5/2015 quy định tiêu chuẩn kỹ năng nhân lực CNTT chuyên nghiệp và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT.

- Thường xuyên nâng cao kiến thức CNTT cho đội ngũ chuyên trách CNTT; nâng cao kỹ năng CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức.

- Bố trí kinh phí thực hiện mua sắm, thay thế, sửa chữa và nâng cao chất lượng hạ tầng cơ sở CNTT tại cơ quan.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp tài chính

Dự kiến bố trí nguồn kinh phí để đảm bảo ứng dụng và phát triển CNTT năm 2018 cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Kinh phí (Tr.đồng)	Thời gian thực hiện
1	Mua sắm máy Laptop	40	Tháng 3
2	Xây dựng 01 dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3	05	Tháng 6, 12
3	Phần mềm diệt virus	6	Tháng 1
4	Sửa chữa, thay thế	25	Thường xuyên
Tổng cộng:		76	

2. Giải pháp triển khai

- Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả các hệ thống đã được đầu tư; đánh giá hiệu quả của các hệ thống ứng dụng để tiếp tục triển khai ứng dụng, nhân rộng những phần mềm mang lại hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền cho cán bộ, công chức về hiệu quả và lợi ích khi ứng dụng CNTT.

- Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh về xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Triển khai hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà Ban Dân tộc trên cơ sở Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình đã được phê duyệt.

- Xác định rõ công nghệ thông tin là công cụ hỗ trợ đắc lực cho CCHC, nâng cao hiệu quả các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và vai trò giám sát trong các hoạt động của cơ quan; gắn kết quả ứng dụng CNTT vào đánh giá kết quả hoạt động chung và công tác thi đua khen thưởng hàng năm.

3. Giải pháp tổ chức và môi trường pháp lý

- Tăng cường vai trò chỉ đạo của Lãnh đạo cơ quan trong ứng dụng CNTT, từng bước nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong triển khai ứng dụng CNTT.

- Bố trí đầy đủ nguồn nhân lực phục vụ ứng dụng CNTT tại cơ quan nhằm vận hành thông suốt các ứng dụng và đảm bảo an toàn thông tin.

- Quy định về ngân sách cho sự nghiệp ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước theo Điều 63 của Luật CNTT.

- Tổ chức rà soát, triển khai có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực CNTT; ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT tại cơ quan.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ phụ trách CNTT tại cơ quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao các phòng, bộ phận của Ban có trách nhiệm triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018; phân công trách nhiệm, nội dung công việc, tiến độ thực hiện và chấp hành nội dung báo cáo theo quy định.

Giao Văn phòng Ban chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 của cơ quan.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, bộ phận kịp thời phản ánh về văn phòng Ban để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Ban xem xét, giải quyết. / *rob*

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, bộ phận;
- BBT Website;
- Lưu: VT, VP, CNTT *th*

TRƯỞNG BAN



Đặng Thái Tôn